TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/ DS -ST
Ngày: 30/3/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thanh Loan

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Trần Gia Phượng

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Tùng Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ tham gia phiên toà: bà Hà Thị Thu Hà - kiểm sát viên

Ngày 30/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2025/TLST- DS ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2026/QĐST - DS ngày 13 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2026/QĐST-DS ngày 10/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Y, sinh năm 1966 và ông Lê Anh T, sinh năm 1962. Đều có địa chỉ: Khu A, phường P, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo uỷ quyền cho bà Y và ông T: Chị Lê Mỹ L, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khu A, phường P, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1984 và ông Hoàng Thanh B, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu A, phường P, tỉnh Phú Thọ

(Bà T1, ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Mỹ L (Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 20/9/2019, ông Lê Anh T và bà Lưu Thị Y có cho bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Hoàng Thanh B vay số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn);

Ngày 20/5/2020, ông T và bà Y lại tiếp tục cho ông B và bà T1 vay thêm số

tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng chẵn).

Ông T và bà Y đã đòi nhiều lần nhưng ông B và bà T1 không trả. Tại đơn khởi kiện, ông T, bà Y đề nghị Tòa án buộc ông B, bà T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông T, bà Y số tiền nợ gốc là 150.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng N. Quá trình giải quyết vụ án, chị L là người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà Y đề nghị ông B và bà T1 có nghĩa vụ trả nợ cho ông T, bà Y tiền nợ gốc là 150.000.000đ, không yêu cầu ông B, bà T1 phải trả lãi nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông B và bà T1 không đến Tòa án để trình bày nội dung vụ việc nên không có quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh T và bà Lưu Thị Y.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Hoàng Thanh B phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Anh T và bà Lưu Thị Y số tiền 150.000.000đ theo các giấy vay tiền ngày 20/9/2019 và ngày 20/5/2020.

- Về lãi suất khoản vay: Ông T, bà Y (do chị L đại diện theo ủy quyền) có quan điểm tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Hoàng Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1.] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Lê Anh T và bà Lưu Thị Y khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Hoàng Thanh B trả số tiền đã vay là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn); Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự, Khoản 3 Điều 26 bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn (Bà T1, ông B) có nơi cư trú tại phường P, tỉnh Phú Thọ; Căn cứ vào Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

[1.3] Thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T1 và ông B đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Chị L (người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà Y là nguyên đơn vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của ông Lê Anh T và bà Lưu Thị Y đối với bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Hoàng Thanh B, đề nghị trả nợ khoản tiền vay còn nợ là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn), Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn xuất trình 02 giấy vay tiền để chứng minh bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Hoàng Thanh B có giao dịch về việc vay tiền với ông Lê Anh T và bà Lưu Thị Y.

Do ông B và bà T1 đều không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ là các "Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân" có chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Hoàng Thanh B; đã ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà T1 và ông B tại các giấy vay tiền ngày 20/5/2020 (được ký hiệu tài liệu giám định là A1) và giấy vay tiền ngày 20/9/2019 (được ký hiệu tài liệu giám định là A2). Tại bản kết luận giám định số 625/KL-KTHS ngày 28/01/2026 đã kết luận:

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thu T1, Hoàng Thanh B trên mẫu cần giám định (A1, A2) ***là chữ ký, chữ viết trực tiếp****.*

*- Chữ ký đứng tên Hoàng Thanh B và các chữ "Hoàng Thanh B" dưới mục "họ tên chồng" trên 02 "Giấy vay tiền" mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký đứng tên Hoàng Thanh B dưới mục "Người khai ký, ghi rõ họ tên" trên "Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân" mẫu so sánh (ký hiệu M1)****là do cùng một người ký và viết ra****.*

- Chữ ký dạng chữ viết "Thủy" và các chữ "Nguyễn Thị Thu T1" dưới mục "Họ tên vợ" trên 02 "giấy vay tiền" mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký dạng chữ viết và các chữ "Nguyễn Thị Thu T1" dưới mục "Người khai ký, ghi rõ họ tên" trên "Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân" mẫu so sánh (ký hiệu M2) ***là do cùng một người ký và viết ra****.*

[2.1] Về khoản tiền nợ gốc 100.000.000đ trên giấy vay tiền ngày 20/9/2019 và 50.000.000đ tại giấy vay tiền ngày 20/5/2020:

Tại bản kết luận giám định trên các giấy vay tiền được xác định chữ ký, chữ viết của ông B, bà T1 tại mục người vay do ông B và bà T1 viết ra. Vì vậy có cơ sở để khẳng định giữa ông B, bà T1 và bà Y, ông T có giao dịch vay tiền, nhận tiền. Không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà T1, ông B đã trả số tiền trên. Cần buộc ông B, bà T1 có trách nhiệm trả cho ông Lê Anh T và bà Lưu Thị Y số nợ 150.000.000đ theo các giấy vay tiền trên là phù hợp.

[2.2]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Tại đơn khởi kiện ông T, bà Y có đề nghị bà T1, ông B phải trả lãi khoản vay theo lãi suất ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L (người đại diện theo ủy quyền) trình bày không yêu cầu bà T1, ông B phải trả tiền lãi của khoản vay. Yêu cầu bà T1 và ông B trả khoản nợ gốc theo các giấy vay tiền. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, HĐXX không xem xét giải quyết về lãi suất khoản vay là phù hợp.

[3] Về chi phí tố tụng:

Đối với chi phí thông tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng 9.000.000đ: Quá trình giải quyết vụ án, chị L đã tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này trong 01 vụ án khác mà chị L đã khởi kiện ông B, bà T1 khi thực hiện thủ tục đăng tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng đối với cả hai vụ án. Chị L không đề nghị ông T và bà Y phải thanh toán cho chị L chi phí đăng tin và cũng không yêu cầu ông B và bà T1 phải trả lại cho ông T, bà Y chi phí này, không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, HĐXX không xem xét giải quyết là phù hợp.

Đối với chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Tổng chi phí giám định là 5.000.000đ. Chị L đã thanh toán đủ tạm ứng chi phí tố tụng. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người yêu cầu trưng cầu giám định (ông T, bà Y) là có căn cứ. Chị L đề nghị bà T1 và ông B phải có nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng. Vì vậy cần buộc bà T1, ông B phải có nghĩa vụ thanh toán chi phí giám định chữ ký, chữ viết cho ông T, bà Y số tiền là 5.000.000đ là phù hợp.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông T, bà Y được chấp nhận nên bà T1 và ông B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 162, Khoản 1, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh T và bà Lưu Thị Y yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Hoàng Thanh B trả số tiền đã vay.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Hoàng Thanh B phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Anh T và bà Lưu Thị Y số tiền nợ là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) theo giấy vay tiền ghi ngày 20/9/2019 và giấy vay tiền ghi ngày 20/5/2020.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Hoàng Thanh B phải có nghĩa vụ thanh toán tiền chi phí giám định chữ ký chữ viết cho ông Lê Anh T và bà Lưu Thị Y là 5.000.000đ (năm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Hoàng Thanh B phải chịu 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Lê Anh T và bà Lưu Thị Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0007354 ngày 31/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn (do chị L đại diện theo ủy quyền), các bị đơn đều vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- TAND tỉnh Phú Thọ
- VKSND khu vực 2 – Phú Thọ;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan